| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: **192**/2024/DS-ST<br>Ngày: 01-7-2024<br>V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản. | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆNC, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Phương.

2. Ông Nguyễn Văn Tám.

***-Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo-Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*:

+ Bà **Nguyễn Thị Ngọc H** sinh năm 1964;

+ Ông **Phạm Văn V** sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Xã TT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Bà H và ông V uỷ quyền cho*: Chị Đoàn Thị Yến L1 sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Xã MT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 26/4/2024)

*2. Bị đơn:*

+ Ông **Nguyễn Văn T** sinh năm 1972;

+ Bà **Trần Thị L** sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Xã TT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông T uỷ quyền cho bà L theo văn bản uỷ quyền ngày 04/6/2024).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đoàn Thị Yến L1 trình bày:*

Vào ngày 18/5/2013, bà H và ông V có cho bà L và ông T vay 27 chỉ vàng 24k và 79.000.000 đồng theo giấy mượn tiền được bà L ký tên. Sau đó bà H và ông V có đòi nên bà L và ông T có trả được 01 chỉ vàng 24k và 37.500.000 đồng rồi ngưng.

Nay yêu cầu bà L và ông T trả 26 chỉ vàng 24k và 41.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

****** *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị L trình bày:*

Bà thừa nhận là bà và chồng là ông T có mượn của bà H và ông V 27 chỉ vàng 24k và 79.000.000 đồng để làm ăn kinh tế gia đình nhưng đến nay đã trả được 01 chỉ vàng 24k và 47.600.000 đồng rồi ngưng theo giấy trả nợ và giấy ghi số tiền đã trả 10.100.000 đồng.

Đối với số tiền 10.100.000 đồng đã trả trước là do bà ghi, bà H không có ký tên nên tại phiên toà hôm nay bà không yêu cầu số tiền 10.100.000 đồng này.

Nay bà và ông T đồng ý trả cho bà H và ông V 26 chỉ vàng 24k và 41.500.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đối với số tiền và đối với số vàng là sau khi trả xong tiền thì tiếp tục trả vàng nhưng xin trả dần mỗi 06 tháng trả 0,5 chỉ vàng 24k.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày có cho bị đơn vay vàng và tiền, bị đơn thừa nhận có sự việc vay vàng và tiền; nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại xã TT, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu trả 26 chỉ vàng 24k và 41.500.000 đồng:

[2.1] Về số vàng: Xét thấy tại các biên nhận và tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận hiện còn nợ nguyên đơn 26 chỉ vàng 24k chưa trả nên Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn trả, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, chị L1 và bà L thống nhất giá vàng 24k hiện nay là 7.300.000 đồng/ 01 chỉ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về số tiền vay: Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn 79.000.000 đồng để làm ăn kinh tế gia đình và đã trả 47.600.000 đồng rồi ngưng theo giấy trả nợ và giấy ghi số tiền đã trả 10.100.000 đồng. Nguyên đơn chỉ thừa nhận là bị đơn chỉ có trả được 37.500.000 đồng còn nợ lại 41.500.000 đồng. Xét thấy, theo giấy trả nợ và giấy ghi số tiền đã trả 10.100.000 đồng mà bị đơn cung cấp có thể hiện tổng số tiền đã trả là 47.600.000 đồng nhưng không có chữ ký của nguyên đơn, nguyên đơn cũng không thừa nhận toàn bộ số tiền này, chữ viết là do bị đơn ghi và bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác thể hiện đã trả cho nguyên đơn số tiền 47.600.000 đồng và tại phiên toà hôm nay bà L không yêu cầu số tiền 10.100.000 đồng này. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận việc bị đơn đã trả 47.600.000 đồng mà chỉ có cơ sở chấp nhận bị đơn đã trả 37.500.000 đồng theo lời thừa nhận của nguyên đơn.

[2.3] Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 26 chỉ vàng 24k và 41.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự .

[3] Đối với yêu cầu xin trả dần của bị đơn: Bị đơn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đối với số tiền và đối với số vàng là sau khi trả xong tiền thì tiếp tục trả vàng nhưng xin trả dần mỗi 06 tháng trả 0,5 chỉ vàng 24k. Xét thấy, ý kiến này không được chị L1 đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải liên đới chịu 11.565.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (giá vàng là 7.300.000 đồng/01 chỉ vàng 24k).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Văn V.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Văn V 26 (hai mươi sáu) chỉ vàng 24k và 41.500.000 đồng (bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L liên đới chịu 11.565.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Phạm Văn V 2.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015345 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với nguyên đơn và bị đơn được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Thi**